TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 226/2019/QĐST-HNGĐ	*Huyện D, ngày 19 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*:

1. Bà Mai Thị Bích H, sinh năm 1983. HKTT: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1982. HKTT: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Mai Thị Bích H và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong việc về hôn nhân gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Mai Thị Bích H và ông Lê Văn T được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào

thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Bích H và ông Lê Văn T.

- Về con chung:

Giao bà Mai Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Minh T, sinh ngày 31/5/2008 và Lê Minh P, sinh ngày 31/5/2008. Ông Lê Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 750.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2019.

Giao ông Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh T, sinh ngày 11/10/2002. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T về việc không yêu cầu bà Mai Thị Bích H cấp dưỡng nuôi con chung Lê Minh T.

Kể từ ngày bà Mai Thị Bích H có yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn T không thanh toán số tiền nêu trên theo thỏa thuận, thì hàng tháng ông Lê Văn T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Mai Thị Bích H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031841 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Ủy ban nhân dân xã T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 01 ngày 04/12/2002);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Tạo